TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM GIÀNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2017/HNGĐ-ST
Ngày : 21/7/2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thị Phương Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Thao.

2. Ông Nguyễn Quang Miên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng*, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa*: Bà Phạm Thị Huyên- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2017/TLST-HNGĐ ngày 01/6/2017 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/7/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu P, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Đức H, sinh năm 1974.

ĐKHKTT: Thôn B, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Đang chấp hành án phạt tù tại trại giam H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/5/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Nguyễn Thị Thu P trình bày:

Chị và anh Đỗ Đức H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Y, huyện L, tỉnh Yên Bái vào ngày 16/12/2005. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn do anh H mải chơi, không chịu làm ăn, không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Nhiều lần chị tham gia, góp ý thì anh H hứa sẽ sửa đổi nhưng đều không thực hiện được. Năm 2015, chị phát hiện anh H sử dụng ma túy và đã động viên, khuyên anh H đi cai nghiện nhưng anh H không đồng ý, không thay đổi cách sống dẫn đến vợ chồng thường xảy ra xô xát,

va chạm với nhau. Tình trạng này kéo dài làm cho kinh tế gia đình ngày càng sa sút, cuộc sống không hạnh phúc. Tháng 4/2016, anh H bị bắt giam và phải đi chấp hành hình phạt tù, thỉnh thoảng chị vẫn đi thăm nom anh H nhưng thời gian gần đây anh H luôn tỏ thái độ xa lánh đối với chị. Chị xác định cuộc sống chung không hạnh phúc, bản thân chị không còn tình cảm với anh H nên chị xin ly hôn anh H.

Chị và anh H có 01 con chung là Đỗ Đức H1- sinh ngày 24/01/2005, hiện đang ở cùng chị. Chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung của vợ chồng.

Tại bản tự khai và trong quá trình xét xử, bị đơn Đỗ Đức H trình bày thống nhất với chị P về thời gian, điều kiện kết hôn và con chung. Anh xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, va chạm trong cuộc sống do hai bên bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế. Trong thời gian sinh sống tại xã L, huyện C, anh chỉ làm nghề buôn bán nhỏ, thu nhập thấp và do bị bạn bè xấu lôi kéo anh sử dụng ma túy nên chị P chán nản, thất vọng làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Chị P xin ly hôn, anh không nhất trí vì bản thân anh không muốn bỏ vợ, bỏ con. Anh đã nói chuyện và nhờ gia đình động viên chị P thay đổi quan điểm nhưng đều không có kết quả. Hiện anh không còn biện pháp nào khác để hàn gắn quan hệ vợ chồng và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh xác định cháu Đỗ Đức H1- sinh ngày 24/01/2005 là con chung của anh và chị P vì sau khi sinh cháu H1 thì hai bên mới thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn. Anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con cho anh. Trong thời gian anh phải chấp hành án tại trại giam, anh sẽ nhờ người nhà giúp anh chăm sóc cháu H1.

Anh không đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung.

Qua xác minh, UBND xã L cung cấp: Thời gian sinh sống tại địa phương, anh H không có việc làm ổn định và có biểu hiện sử dụng ma túy. Chị P một mình buôn bán và lo toan cuộc sống gia đình. Vợ chồng chỉ sinh sống tại địa phương một thời gian ngắn thì anh H vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành hình phạt tù tại trại giam nên địa phương chưa nắm được nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng.

Tại phiên tòa: Chị P giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh H và đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H1 cho tới khi cháu thành niên, chị tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Đại diện Viện kiểm sát xác định Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã tuân theo và chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật

hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự ; Luật phí và lệ phí ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị HĐXX :

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thu P được ly hôn anh Đỗ Đức H.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung Đỗ Đức H1 cho chị P được trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị P không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

- Về án phí : Chị Nguyễn Thị Thu P phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[**1**] *Về tố tụng*: Bị đơn là anh Đỗ Đức H đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh vì anh đang phải chấp hành án tại trại giam H. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh H.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Thu P và anh Đỗ Đức H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Y, huyện L, tỉnh Yên Bái. Cả hai bên đều đã đủ tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi đăng ký kết hôn và chung sống với nhau sau khi có giấy đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cách sống, cách làm ăn kinh tế. Chị P cho rằng anh H mải chơi, không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Còn anh H xác định anh chỉ buôn bán nhỏ, thu nhập thấp trong khi quan điểm của chị P là phải làm ăn lớn. Mặt khác, việc anh H sử dụng ma túy cũng là nguyên nhân làm ảnh hưởng đến kinh tế và tình cảm vợ chồng. Cả hai đều xác định không có biện pháp nào khác để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Xác định hôn nhân giữa chị P và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị P đã thỏa mãn các căn cứ cho ly hôn quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] *Về nuôi con chung*: Chị P và anh H có một con chung là Đỗ Đức H1- sinh ngày 24/01/2005. Chị P, anh H đều đề nghị được trực tiếp nuôi con chung khi ly hôn. Xét nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung của các bên là chính đáng nhưng việc giao con chung cho bên nào trực tiếp nuôi phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Hiện anh H đang phải chấp hành án phạt tù tại trại giam nên chưa đảm bảo các điều kiện để trực tiếp nuôi con. Mặt khác chị P vẫn luôn là người trông nom, chăm sóc cháu H1 và cháu H1 đề nghị được tiếp tục sinh sống cùng chị P. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển ổn định của cháu H1, HĐXX căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu H1 cho chị P được

tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên. Chị P không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung*: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Thu P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu P và anh Đỗ Đức H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Đỗ Đức H1- sinh ngày 24/01/2005 cho chị Nguyễn Thị Thu P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị P không yêu cầu anh Đỗ Đức H phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu P phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AB/2014/0001833 ngày 01/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Chị P đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc được tống đạt hợp lệ bản án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H1ện Cẩm Giàng;
- Chi cục THADS H1ện Cẩm Giàng;
- UBND TT Yên Thế (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

(Đã ký)

Quách Thị Phương Thúy